PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1580/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 và Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng trung du và miền núi Bắc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

Triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 8 năm 2012 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) với nội dung như sau:

I. PHẠM VI THỰC HIỆN

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (sau đây gọi tắt là vùng) gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lai Châu, Điện Biên và các huyện miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An.

II. MỤC TIÊU

Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của vùng để đạt được nhịp độ phát triển cao hơn bình quân chung của cả nước; cải thiện rõ rệt và đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thủy điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu; cơ bản hoàn thành sắp xếp ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào tái định cư, đưa dân trở lại biên giới, khắc phục cơ bản tình trạng dân di cư tự do; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia đáp ứng tình hình, nhiệm vụ mới.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Phấn đấu đến năm 2020: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt 7,5% - 8%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.000 USD; tỷ trọng các ngành trong cơ cấu kinh tế là nông lâm thủy sản khoảng 21,9%, công nghiệp - xây dựng 38,7% và dịch vụ 39,49%; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 16 - 17%/năm; tỷ lệ tăng thu ngân sách đạt khoảng 13%;

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3 - 4%; trong mỗi kế hoạch 5 năm giải quyết việc làm cho khoảng 250 - 300 nghìn lao động; đến năm 2020, tăng tỷ lệ sử dụng lao động ở khu vực nông thôn lên trên 85%, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%; có trên 80% số xã có bác sỹ, 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên; hạn chế gia tăng ô nhiễm và sự cố môi trường; nâng độ che phủ rừng lên 50% vào năm 2020.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh kể cả về cơ sở vật chất, vũ khí, khí tài và lực lượng nhằm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; thực hiện tốt việc xây dựng các tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

III. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Phát triển kinh tế nhanh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững của kinh tế vùng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội; tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Hình thành một số sản phẩm chủ yếu, có thương hiệu trong cả nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế trong các lĩnh vực điện, phân bón, hóa chất, luyện kim, dược liệu, nông, lâm sản; tiết kiệm tài nguyên, an toàn trong sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái; quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các tài nguyên, lợi thế; tăng cường hợp tác quốc tế.

2. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó, ưu tiên hàng đầu việc xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, tạo cơ sở liên kết vùng để phát triển nhanh kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình dự án trọng điểm của vùng và liên vùng, một số tuyến đường kết nối với các tuyến đường cao tốc, các tuyến đường vành đai, đường đến cửa khẩu, đường tuần tra biên giới, cảng hàng không. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có trong vùng. Tổ chức quản lý và khai thác tốt các tuyến đường thủy trên sông, trên hồ trong vùng.

3. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, đặc biệt là các công trình thủy lợi có quy mô nhỏ và vừa, các công trình kè bờ sông, bờ suối biên giới; hệ thống cấp thoát nước, hệ thống truyền tải điện, bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; rà soát quy hoạch phát triển thủy điện, đánh giá hiệu quả dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường xung quanh. Phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các đô thị đã được xác định trong Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; thực hiện chương trình nông thôn mới, trong đó ưu tiên các xã dọc tuyến biên giới Việt - Trung, Việt - Lào.

4. Phát triển văn hóa - xã hội hài hòa với phát triển kinh tế: Tiếp tục đầu tư và xây dựng hoàn thiện cơ bản các thiết chế văn hóa cơ sở, coi trọng việc gìn giữ và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, xóa bỏ các tập tục lạc hậu.

Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, dạy nghề theo Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ. Phấn đấu đến năm 2020, nhân dân các thôn, bản trong vùng đều được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và xem Truyền hình Việt Nam; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng phát thanh, truyền hình bằng các tiếng dân tộc. Quản lý, bảo tồn phát huy các di tích lịch sử, các sản phẩm văn hóa vật thể, phi vật thể trong các cộng đồng đồng bào dân tộc.

5. Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các địa phương trong vùng, đặc biệt ưu tiên đào tạo cán bộ tại chỗ, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ hệ thống chính trị cơ sở. Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, hoàn thành cơ bản chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học và các cơ sở dạy nghề trong vùng.

6. Tiếp tục kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn trọng yếu. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh cả về cơ sở vật chất, vũ khí, khí tài và lực lượng; xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng theo quy hoạch; thực hiện tốt việc xây dựng các tỉnh trở thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh trên địa bàn, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ, chống lợi dụng dân tộc, tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm. Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng.

7. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước cũng như các tỉnh trong vùng thống nhất nhận thức về yêu cầu quan trọng và cấp bách của việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, không chỉ là nhiệm vụ của địa phương trong vùng mà còn là nhiệm vụ chung của cả nước, để từ đó tích cực tham gia, phối hợp thực hiện tốt.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ, nội dung công việc chủ yếu trong Kế hoạch này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong vùng có trách nhiệm tổ chức thực hiện, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm của Bộ, ngành, địa phương.

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, các địa phương:

- Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch xây dựng của các địa

phương trong vùng phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đã được phê duyệt;

- Nghiên cứu rà soát, bổ sung hoặc xây dựng mới các cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực đầu tư phát triển chung toàn vùng; cơ chế chính sách hợp tác, liên kết vùng;

- Cân đối nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quan trọng của vùng, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, các khu, cụm công nghiệp; phối hợp với các địa phương tổ chức xúc tiến đầu tư kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách về phân bổ ngân sách, tài chính, chính sách thuế, tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu, ... phù hợp với tính chất đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan trong hoạt động phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tiếp tục chỉ đạo đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, hệ thống kênh tưới đảm bảo cung cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và điều tiết lũ, nhất là tại các tỉnh có nguy cơ xảy ra lũ quét cao như: Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Yên Bái;

- Chỉ đạo, quản lý việc xây dựng các tuyến đê sông ở vùng trung du, các công trình kè bờ sông biên giới nhằm tránh sạt lở đất, ổn định sản xuất, bảo vệ dân cư và chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng các công trình thủy lợi gắn với xây dựng thủy điện nhỏ nhằm cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nước sinh hoạt và cấp điện cho nhân dân vùng sâu, vùng xa nơi chưa có điện lưới quốc gia. Thực hiện quy hoạch bố trí ổn định dân cư các xã biên giới Việt – Trung;

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước đảm bảo đáp ứng đủ nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt của khu vực nông thôn; áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các mô hình cấp nước hợp vệ sinh cho nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới trên địa bàn các địa phương trong vùng.

d) Bộ Công an phối hợp với Bộ Quốc phòng, các địa phương trong vùng bảo đảm an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng lực lượng và thế trận an ninh nhân dân, nhất là thế trận lòng dân; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, củng cố, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

đ) Bộ Quốc phòng chủ trì rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể các khu vực có liên quan đến mục tiêu quân sự, khu vực phòng thủ, khu kinh tế quốc

phòng và mạng lưới các đồn biên phòng, đường tuần tra biên giới đến năm 2020; tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu quốc phòng - an ninh tại các xã biên giới đến năm 2020. Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị với các nước láng giềng.

e) Bộ Công Thương:

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các địa phương triển khai các chương trình thúc đẩy thị trường nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động của Ban Chỉ đạo Quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả;

- Rà soát quy hoạch phát triển thủy điện nhất là dự án thủy điện nhỏ, đánh giá hiệu quả, loại khỏi quy hoạch các dự án hiệu quả thấp, có nguy cơ gây tổn hại lớn đến môi trường, mất đất sản xuất của đồng bào.

g) Ủy ban Dân tộc

Tiếp tục triển khai Đề án phát triển kinh tế - xã hội khu vực các dân tộc thiểu số rất ít người của vùng; Đề án định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã vùng đặc biệt khó khăn vùng miền núi, xã biên giới, xã an toàn khu; triển khai thực hiện chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hỗ trợ có mục tiêu đã được xác định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị;

h) Các Bộ quản lý ngành và lĩnh vực khác

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm của ngành phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.

- Chủ động đề xuất cơ chế chính sách và các giải pháp huy động các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách nhà nước; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm của ngành, các công trình có tính liên vùng quan trọng đã được xác định tại Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Phối hợp với các địa phương thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành và địa phương.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Bắc triển khai Kế hoạch này.

i) Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu trên địa bàn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng đến năm 2020.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư trong, ngoài nước tham gia đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn theo hướng tăng cường

liên doanh, liên kết các địa phương trong, ngoài vùng theo tinh thần Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển của địa phương giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, giải pháp về huy động và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án trình Chính phủ.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo Tây Bắc triển khai tốt các chủ trương kinh tế - xã hội nhất là liên quan đến nhiều địa phương trong Vùng.

- Cập nhật các dự báo, xem xét lại khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý Kế hoạch triển khai thực hiện này có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ:

a) Chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Hướng dẫn các Bộ, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, tiến độ cụ thể và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm theo đúng các mục tiêu của Kế hoạch đề ra.

c) Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó sơ kết, tổng kết để báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo đúng tiến độ thực hiện Kế hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan báo cáo đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết.

3. Ban Chỉ đạo Tây Bắc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 26-KL/TW NGÀY 02 THÁNG 8 NĂM 2012 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Kế hoạch triển khai thực hiện tại Quyết định số 1580/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Xây dựng cơ chế chính sách phối hợp và liên kết vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014 - 2015
2	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Rà soát quy hoạch ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; đề xuất điều chỉnh bổ sung	Các Bộ, ngành và các địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2014 - 2015
		Rà soát điều chỉnh quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông Cầu, sông Thương	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2015
		Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh.	Các Bộ, ngành, Ban Chỉ đạo Tây Bắc và các địa phương liên quan	Nghị định của Chính phủ	2014
3	Bộ Giao thông vận tải	Kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2015, định hướng đến năm 2020	Các Bộ, ngành, Ban Chỉ đạo Tây Bắc và các địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2014

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện
4	Bộ Quốc phòng	Xây dựng quy hoạch chi tiết đường tuần tra biên giới đất liền giai đoạn II (2013 - 2020)	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Ngoại giao và địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2015
		Xây dựng đề án quy hoạch chi tiết xây dựng và phát triển các khu kinh tế quốc phòng theo Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Ngoại giao và địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2015
5	Bộ Thông tin và Truyền thông	Chương trình quốc gia phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, trong đó có vùng trung du và miền núi Bắc Bộ	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương và địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng	2014
6	Bộ Khoa học và Công nghệ (do Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì)	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam,	Quyết định của Bộ trưởng	2013 - 2015
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Chỉ đạo các địa phương trong vùng rà soát, điều chỉnh quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất (giai đoạn 2016 - 2020)	Các Bộ, ngành và UBND tỉnh có liên quan	Văn bản của Bộ trưởng	2015

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện
8	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Các Bộ, ngành địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2014 - 2015
9	Ủy ban Dân tộc	Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số ít người giai đoạn 2011 - 2020	Các Bộ, ngành địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng	2014
		Xây dựng chính sách bảo tồn, phát triển ngành nghề truyền thống cho vùng dân tộc thiểu số	Các Bộ, ngành địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng	2015
10	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Rà soát, điều chỉnh hoàn thiện mạng lưới các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề trong vùng đến năm 2020 theo quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương liên quan	Quyết định của Bộ trưởng	2014
		Cơ chế chính sách đối với cơ sở dạy nghề, cán bộ quản lý, người dạy, người học, trong đó chú trọng dạy nghề cho lao động nông thôn miền núi, người dân tộc thiểu số	Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014 - 2015
11	Bộ Y tế	Rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch phát triển hệ thống y tế Việt Nam, trong đó có vùng trung du miền núi Bắc Bộ	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2014 - 2015

STT	Cơ quan chủ trì	Nội dung thực hiện	Cơ quan phối hợp	Hình thức văn bản	Thời gian thực hiện
12	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng trung du miền núi Bắc Bộ	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của địa phương đến năm 2020			
		Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển của địa phương giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên, giải pháp về huy động và sử dụng vốn cho từng chương trình, dự án trình Chính phủ			
		Cập nhật các dự báo, xem xét lại khả năng hiện thực, xác định lại cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và đảm bảo phát triển bền vững			

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng